



Số giấy phép / N.º de serie
1247/GPMT-UBND
Mã QR: HN-MT-2026-SPX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Permiso Ambiental (Giấy phép môi trường) para un proyecto de desarrollo inmobiliario · conforme a la Ley de Protección del Medio Ambiente de 2020

I. CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

① Tên chủ dự án đầu tư Titular del proyecto
Mã số doanh nghiệp N.º de registro mercantil
Địa chỉ trụ sở chính Domicilio de la sede social
Người đại diện theo pháp luật Representante legal

CÔNG TY CP BĐS <SPECIMEN> LAND

0106 SPECIMEN 842

<specimen>, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

Ông NGUYỄN <SPECIMEN> VĂN — Tổng Giám đốc

II. DỰ ÁN ĐẦU TƯ / Proyecto de inversión

② Tên dự án Nombre del proyecto
Địa điểm thực hiện Ubicación del proyecto
Quy mô Envergadura
③ Phân loại dự án theo tiêu chí môi trường Grupo de riesgo ambiental

Khu nhà ở hỗn hợp THE LAKE VIEW <specimen>

KĐT Tây Hồ Tây, P. Xuân Tảo, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội

02 tòa tháp — 32 tầng nổi, 03 tầng hầm — 1.240 căn hộ

Nhóm II — nguy cơ tác động môi trường mức trung bình (Phụ lục III, Nghị định 08/2022/NĐ-CP)

III. NỘI DUNG CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG / Contenido del permiso

④ Công trình xử lý nước thải Tratamiento de aguas residuales
Công trình xử lý khí thải, bụi, ồn Control de polvo y ruido
Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại Residuos sólidos y peligrosos
Chương trình quan trắc môi trường Seguimiento ambiental

Trạm XLNT tập trung, công suất 1.200 m³/ngày đêm — đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A

Hệ thống hút lọc bụi tầng hầm; kiểm soát tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT

Phân loại tại nguồn; hợp đồng thu gom, xử lý với đơn vị được cấp phép

Quan trắc nước thải định kỳ 03 tháng/lần; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

IV. THỜI HẠN VÀ CĂN CỨ PHÁP LÝ / Validez

⑤ Thời hạn của giấy phép Plazo del permiso
Căn cứ pháp lý Base legal

10 năm kể từ ngày cấp (15/3/2026 – 15/3/2036) — phải xin cấp lại trước khi hết hạn

Lệnh Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT

⑥ Số hồ sơ cấp phép N.º de expediente:
MT.2026.04780



⑦ Verificar en el portal de la autoridad emisora · specimen

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2026
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÓ CHỦ TỊCH UBND



El *Giấy phép môi trường* (Permiso Ambiental), campo por campo

Antes de invertir en un gran proyecto inmobiliario, compruebe que el propio proyecto —no solo su futuro apartamento— cumple la normativa ambiental. Este permiso cubre el tratamiento de aguas residuales, la calidad del aire y la gestión de residuos para todo el emplazamiento. Las marcas ①–⑦ remiten al facsímil de la página anterior. Documento specimen — datos ficticios.

1

Titular del proyecto — Tên chủ dự án đầu tư

El titular del permiso debe ser la **misma persona jurídica** que firma su contrato de compraventa (SPA) y que figura posteriormente en el Libro Rosa, no solo la marca comercial.

RED FLAG Permiso expedido a una sociedad instrumental sin relación con el proyecto, y no al promotor que le vende la unidad.

2

Proyecto y ubicación — Tên dự án, địa điểm thực hiện

El nombre del proyecto y la dirección del emplazamiento deben coincidir exactamente con su edificio y el anuncio, incluida la fase o el bloque en que se encuentra su apartamento.

RED FLAG La dirección corresponde a otra fase, o no coincide con el emplazamiento real de la construcción.

3

Grupo de riesgo ambiental — Phân loại theo tiêu chí môi trường (Nhóm I/II/III)

La clasificación conforme al Decreto 08/2022/NĐ-CP determina qué autoridad expide y supervisa el permiso, y el rigor de las obligaciones de seguimiento.

RED FLAG Proyecto reclasificado posteriormente a una categoría superior tras reclamaciones o una infracción.

4

Infraestructuras ambientales — Công trình xử lý nước thải, khí thải, bụi, ồn

La capacidad de las plantas de tratamiento y las normas de vertido (QCVN) muestran si los sistemas de aguas residuales y pluviales se construyeron e inspeccionaron realmente antes de la ocupación.

RED FLAG Infraestructuras descritas sobre el papel pero aún no construidas ni inspeccionadas, o insuficientes para la población.

5

Validez y renovación — Thời hạn của giấy phép

Los permisos tienen un plazo fijo (habitualmente 10 años) desde la fecha de expedición y deben **renovarse antes de su vencimiento**. Un permiso caducado o inexistente en el momento de la entrega es una señal de alerta sobre la gobernanza del proyecto.

RED FLAG La entrega tuvo lugar antes de la fecha del permiso, o el plazo ya ha vencido sin renovación registrada.

6

Número de expediente — Số hồ sơ cấp phép

Le permite a usted o a su abogado localizar el expediente en la ventanilla única de la autoridad emisora (Sở Tài nguyên và Môi trường) para confirmar su autenticidad y su constancia en el registro.

RED FLAG Ningún número de expediente localizable, o la autoridad no tiene constancia de él.

7

Autoridad emisora y QR — UBND cấp giấy phép, mã QR

Para un proyecto de esta envergadura, el permiso lo expide (o lo delega) el Comité Popular provincial; compruebe la firma, el sello y el QR en el portal oficial.

RED FLAG Permiso expedido por una autoridad sin competencia sobre la ubicación o la envergadura del proyecto.